TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 24/01/2018.
V/v:"Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*:**

Ông Trần Văn Quế. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2016/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2016 về "Kiện đòi tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị Băng T: Ông Đặng Anh T (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1, đường A, phường T, Tp B, tỉnh Đăk Lăk.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức T (Có mặt);
Bà Nguyễn Thị Kim Y (Nguyễn Thị Y) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khối A, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2016, tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T là ông Đặng Anh T trình bày:

Gia đình ông B, bà T và gia đình ông T, bà Y là chỗ quen biết nhau từ năm 1990 tại khối 12, thị trấn P, huyện K P, tỉnh Đăk Lăk. Ngày 14/4/1995 ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Y có mượn của ông B, bà T 80 chỉ vàng (08 cây vàng) 24k(vàng 97%) với lãi suất thỏa thuận là 150.000 đồng/ 01 cây. Sau khi mượn vàng

ông T, bà Y đã trả cho ông B bà T được 30 chỉ vàng, còn số tiền lãi ông T bà Y chưa trả theo như thỏa thuận. Khi mượn vàng hai bên có viết giấy tờ mượn vàng, người viết giấy mượn là ông Nguyễn Đức T, ông T bà Y cùng ký vào giấy mượn vàng. Khi ông T bà Y trả 30 chỉ vàng thì người viết vào phần đã trả 30 chỉ vàng trong giấy mượn vàng là bà T. Từ khi trả được 30 chỉ vàng cho ông B, bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà Y không trả số vàng còn lại cho ông B bà T. Việc ông T, bà Y cho rằng ông B bà T đã lấy chiếc xe máy cày hiệu Đông Phong để cấn trừ hết số vàng đã mượn là không có. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà T có đến nhà ông T yêu cầu ông T trả nợ vào năm 2014, ông T có đưa cho bà T 2.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ hay người làm chứng gì hết. Vì vậy ông B, bà T khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc ông T, bà Y phải có trách nhiệm trả số vàng còn nợ là 50 chỉ vàng 24k (vàng 97%), khấu trừ đi số tiền đã trả là 2.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại bản tự khai ngày 17/11/2016, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Gia đình ông T và ông B, bà T là chỗ làm ăn quen biết đã lâu. Năm 1995 vợ chồng ông T có mượn của vợ chồng ông B, bà T 80 chỉ vàng 24k(vàng 97%), khi mượn vàng ông T là người viết giấy mượn vàng và ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 150.000 đồng/01 chỉ, từ khi mượn vàng vợ chồng ông T chưa trả lãi. Đến năm 1997 gia đình ông T làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ vàng cho ông B, bà T sau đó ông B, bà T đã lấy chiếc xe máy cày của gia đình ông T với trị giá 17.500.000 đồng(quy ra vàng hơn 04 cây vàng 24k). Hai bên thỏa thuận ông B, bà T không khởi kiện ra Tòa án và lấy chiếc xe cày để trả hết số vàng đã mượn, việc lấy xe cày này không có giấy tờ gì, do quá tin tưởng ông B, bà T nên khi đưa xe cày vợ chồng ông T đã không yêu cầu ông B bà T hủy giấy mượn vàng đi.

Hiện nay ông B bà T khởi kiện vợ chồng ông T ra Tòa án, ông T xác định giấy mượn vàng đúng do ông T viết và ký tên. Ông T đã được Tòa án giải thích việc Tòa án đã triệu tập ông B, bà T và đã đọc văn bản lời khai của ông B, bà T. Tuy nhiên, ông T yêu cầu Tòa án phải triệu tập được ông B bà T đến làm việc vì ông B, bà T là người trực tiếp nhận tài sản của gia đình ông T. Năm 2014 bà T có đến gặp ông T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông T có đưa cho bà T số tiền hơn 4.000.000 đồng số tiền này là tiền giúp đỡ bà T, ông B khi khó khăn và không có giấy tờ thể hiện việc này. Ông T xác định còn nợ ông B, bà T số vàng là 50 chỉ vàng 97% nhưng hai bên đã khấu trừ chiếc xe cày nên ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y (Nguyễn Thị Y) trình bày:

Việc mượn vàng của ông B, bà T đúng như lời ông T trình bày. Bà Y xác định còn nợ ông B, bà T số vàng là 50 chỉ vàng 97% nhưng hai bên đã khấu trừ chiếc xe cày như ông T đã trình bày nên bà Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T. Ngoài ra bà Y không trình bày gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 08/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông Đặng Anh T, bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T là ông Đặng Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kin Y trả 50 chỉ vàng 97%, khấu trừ đi 2.000.000đồng đã trả. Bị đơn ông Nguyễn Đức T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã cấn trừ nợ bằng chiếc xe máy cày. Bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án chưa kịp thời đưa vụ án ra xét xử, vi phạm khoản 1, Điều 203; Khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 71, 72, 73, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Việc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Y vay của ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T 08 cây vàng 24k (80 chỉ vàng tại thời điểm vay là vàng 97%) là có thực, thể hiện qua giấy mượn vàng ngày 14/4/1995 có chữ ký xác nhận của ông T, bà Y; ông T, bà Y cũng đã thừa nhận việc này. Ông T bà Y đã trả cho ông B và bà T 03 cây vàng (30 chỉ vàng) và 2.000.000đồng, hiện còn nợ lại 50 cây vàng 24K. Lúc thực hiện các giao dịch dân sự trên, ông T và bà Y là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các giao dịch dân sự này phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc ông B,

bà T khởi kiện yêu cầu ông T, bà Y phải trả lại số vàng đã vay là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc, ông T và bà Y cho rằng, sau khi vay vàng do làm ăn thua lỗ , không có khả năng trả nợ nên ông B, bà T đã lấy 01 chiếc xe máy cày trị giá 17.500.000đồng của ông T, bà Y để khấu trừ toàn bộ số nợ trên nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để xác định việc này nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị Băng T, buộc ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim Y(Nguyễn Thị Y) phải trả cho ông B và bà T 50 chỉ vàng 97% hiện còn nợ, được khấu trừ 2.000.000đồng đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Tại phiên tòa đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Y. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà Y nhưng bà Y vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Y là phù hợp.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***: Đơn khởi kiện của ông B, bà T đề ngày 26/9/2016, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là "*Kiện đòi tài sản*", được quy định tại các Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] **Xét nội dung vụ án**: Nguyên đơn ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T yêu cầu ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả số vàng là 50 chỉ vàng 97% , khấu trừ đi số tiền 2.000.000đồng đã trả là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Vì ông T, bà Y thừa nhận có mượn của ông B, bà T số vàng là 80 chỉ từ tháng 04/1995 và "Giấy mượn vàng 24K" đề ngày 14/4/1995 là do ông T viết và ký tên. Mặc dù, bà Y không ký tên vào giấy mượn vàng này nhưng bà Y thừa nhận việc vay vàng là đúng. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông B, bà T đã nhiều lần đòi số vàng đã cho vay nhưng ông T, bà Y đã trả được 30 chỉ vàng 97% và số tiền 2.000.000đồng, số vàng còn lại ông T, bà Y không trả. Như vậy ông T, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là*

vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Căn cứ vào Điều 164; 170; 212; 255, 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Băng T, ông Bùi Văn B số vàng còn nợ là 50 chỉ vàng 97% được khấu trừ đi 2.000.000đồng(giá vàng 97% ngày 24/01/2018 là 3.550.000đồng/01 chỉ). Vậy ông T, bà Y còn phải trả cho ông B, bà T số vàng còn nợ là 49 chỉ vàng 97% và số tiền 1.550.000đồng là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T đều thừa nhận hiện nay gia đình ông bà còn nợ vàng của ông B, bà T nhưng vào năm 1996 – 1997 gia đình ông bà làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả số vàng đã vay cho ông B, bà T nên đã gán chiếc xe máy cày hiệu Đông Phong trị giá 17.500.000đồng để khấu trừ hết toàn bộ số vàng đã vay. Tuy nhiên, ông T bà Y không cung cấp cho Tòa án bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc khấu trừ trên đồng thời ông B, bà T không thừa nhận việc khấu trừ này. Do đó, ý kiến trình bày của ông T, bà Y không có căn cứ.

[4] ***Về lãi suất***: Ông B, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c, Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 164; Điều 170; Điều 212; Điều 255; Điều 256; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T.

Buộc ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim Y phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T số vàng còn nợ là 49 chỉ vàng 97% và số tiền là 1.550.000đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 8.775.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: ([(Giá vàng 97% ngày 24/01/2018 là 3.550.000đồng/01 chỉ; 49 chỉ x 3.550.000đồng) + 1.550.000đồng] x 5% = 8.775.000đồng).

Hoàn trả cho ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Băng T số tiền 4.375.000đồng (*Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0036588 ngày 13/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.